

Kính gửi:

- Các phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường trung học phổ thông;
- Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp – Hướng nghiệp tỉnh;
- Trường Thực hành sư phạm Đồng Nai;
- Các trường phổ thông nhiều cấp học (có cấp THPT);
- Các đơn vị có giảng dạy chương trình GDTX cấp THPT.

Căn cứ nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2019 - 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT); Văn bản số 10945/BGDĐT-GDTrH ngày 27/11/2008 về hướng dẫn thi và cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2019-2020 của Sở GD&ĐT tỉnh Đồng Nai. Sở GD&ĐT hướng dẫn tổ chức hoạt động hướng nghiệp và dạy nghề phổ thông như sau:

I. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC HƯỚNG NGHIỆP (HĐGDHN)

- Các trường tiếp tục thực hiện dạy học hướng nghiệp theo phân phối chương trình của Bộ GD&ĐT và của Sở GD&ĐT đã triển khai.

- Tổ chức tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, góp phần phân luồng và chuẩn bị cho học sinh lớp 9 lựa chọn học lên cấp THPT (lớp 10) hoặc đi học nghề phù hợp với năng lực.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động giáo dục dạy nghề hướng nghiệp.

- Thông qua các hoạt động tư vấn hướng nghiệp giúp học sinh hiểu và lựa chọn ngành nghề phù hợp với năng lực, sở thích, điều kiện gia đình, yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của địa phương.

II. HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NGHỀ PHỔ THÔNG

1. Tổ chức dạy nghề phổ thông

- Hoạt động giáo dục nghề phổ thông ở cấp THCS là nội dung giáo dục tự chọn (theo văn bản số 8607/BGDĐT-GDTrH ngày 16/8/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) với thời lượng 70 tiết (2 tiết/tuần). Nghề phổ thông (NPT) là 1 trong 3 môn học tự chọn (NN2, Tin học, Nghề phổ thông) “Tin học trong chương trình NPT là Tin học văn phòng”, có thể bố trí thời lượng dạy học tự chọn trong Kế hoạch giáo dục của các trường, trung tâm hoặc bố trí dạy học ngoài 6 buổi/tuần.

- Hoạt động giáo dục nghề phổ thông ở cấp THPT là nội dung giáo dục được quy định trong kế hoạch giáo dục phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (*Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5/5/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo*);

Chương trình GDNPT lớp 11 có 105 tiết (3 tiết/tuần), bố trí ngoài thời lượng học 1 buổi/ngày. Tài liệu dạy học do Bộ GD&ĐT ban hành có 11 NPT: *làm vườn, nuôi cá,*

trồng rừng, gò, điện dân dụng, điện tử dân dụng, sửa chữa xe máy, cắt may, nấu ăn, thêu tay, tin học văn phòng.

Các trường THCS, THPT, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp, Trung tâm GDNN - GDTX có đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ giáo viên chuyên môn theo yêu cầu chương trình nghề phổ thông tiến hành tổ chức dạy nghề phổ thông cho học sinh trên địa bàn.

Trong trường hợp các đơn vị chưa có đủ giáo viên chuyên môn và điều kiện cơ sở vật chất cần hợp đồng với Trung tâm KTTH-HN hoặc Trung tâm GDNN - GDTX ở địa phương (nếu trung tâm đó đủ điều kiện dạy NPT theo quy định) để tổ chức hoạt động giáo dục NPT cho học sinh.

Giáo viên dạy nghề phải có bằng chuyên môn (Đại học, Cao đẳng chuyên ngành) thuộc các NPT do Bộ GDĐT ban hành hoặc giáo viên Vật lý, Công nghệ đối với nghề Điện tử, Điện dân dụng; giáo viên Nữ công (giáo viên có trình độ chuyên môn tốt nghiệp các trường Đại học, Cao đẳng sư phạm kỹ thuật) đối với nghề Nấu ăn, Thêu, Cắt may; giáo viên Sinh học, Công nghệ đối với nghề Trồng rừng, Làm vườn, Nuôi cá.

Mỗi trường phải tổ chức giảng dạy **ít nhất 02 NPT** cho học sinh tự chọn đăng ký phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên.

2. Hồ sơ quản lý chuyên môn các lớp dạy nghề phổ thông

Kế hoạch tổ chức dạy nghề phổ thông; Phân phối chương trình nghề phổ thông; Sổ gọi tên ghi điểm; Sổ đầu bài; Giáo án của giáo viên.

3. Hồ sơ giáo viên dạy nghề phổ thông

Kế hoạch giảng dạy; Giáo án; Sổ điểm cá nhân; Sổ điểm danh.

4. Tổ chức giảng dạy, học tập

- Giáo viên phụ trách giảng dạy NPT phải có giáo án khi lên lớp. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị để giúp học sinh phát hiện và làm chủ kiến thức. Đối với các tiết thực hành, giáo viên phải kiểm tra trước các trang thiết bị, khắc phục kịp thời; kiên quyết không đưa vào sử dụng những thiết bị đã hỏng, không đảm bảo an toàn cho học sinh. Trước khi thực hành, thường xuyên lưu ý, nhắc nhở các em những qui định bắt buộc nhằm đảm bảo an toàn lao động như: không đùa giỡn khi thực hành, tư thế thực hành đúng, trang phục gọn gàng... Sau khi kết thúc tiết thực hành cần rút kinh nghiệm trước tập thể lớp.

- Ngoài việc tổ chức giảng dạy nội dung bài học và tổ chức cho học sinh vận dụng kiến thức đã học vào thực hành; giáo viên cần giúp học sinh hệ thống hóa kiến thức sau mỗi chương hoặc kiểu bài...

5. Kiểm tra, đánh giá quá trình học nghề của học sinh

Thực hiện theo qui chế đánh giá xếp loại học sinh hiện hành.

a) Hình thức đánh giá, các điểm trung bình và thang điểm

- Kiểm tra và cho điểm các bài kiểm tra;
- Tính điểm trung bình môn học sau một học kỳ, một năm học.
- Cho điểm theo thang điểm từ điểm 0 đến điểm 10.

b) Số lần kiểm tra và cách cho điểm

- Số lần kiểm tra tối thiểu:

+ Kiểm tra thường xuyên (KTtx) hệ số 1: ít nhất 3 lần gồm 1 lần kiểm tra miệng và 2 lần kiểm tra viết.

+ Kiểm tra định kỳ (KTđk) hệ số 2: ít nhất 2 lần gồm 1 lần kiểm tra thực hành và 1 lần kiểm tra viết.

+ Kiểm tra học kỳ (KThk) hệ số 3: kiểm tra thực hành.

- Cách cho điểm:

+ Điểm các bài kiểm tra thường xuyên (KTtx) theo hình thức tự luận cho điểm số nguyên; điểm kiểm tra thường xuyên theo hình thức trắc nghiệm được lấy đến một chữ số thập phân sau khi đã làm tròn số.

+ Những học sinh không có đủ số bài kiểm tra theo qui định thì phải được kiểm tra bù. Bài kiểm tra bù phải có hình thức, mức độ kiến thức, kỹ năng và thời lượng tương đương với bài kiểm tra bị thiếu. Học sinh không dự kiểm tra bù thì bị điểm 0. Thời điểm tiến hành kiểm tra bù được qui định như sau:

* Nếu thiếu bài kiểm tra thường xuyên thì phải bố trí cho học kiểm tra bù kịp thời.

* Nếu thiếu bài kiểm tra viết, bài kiểm tra thực hành từ 1 tiết trở lên thì kiểm tra bù trước khi kiểm tra học kỳ.

* Nếu thiếu bài kiểm tra học kỳ thì tiến hành kiểm tra bù ngay sau khi kiểm tra học kỳ.

c) Qui định về điểm số học nghề phổ thông

- Điểm trung bình môn học kì (ĐTBmhk): là trung bình cộng của điểm các bài KTtx, KTđk và KThk với các hệ số qui định.

$$\text{ĐTBmhk} = \frac{\text{ĐKTtx} + 2 \times \text{ĐKTđk} + 3 \times \text{ĐKThk}}{\text{Tổng các hệ số}}$$

- Điểm trung bình môn học cả năm (ĐTBmcn) là trung bình cộng của ĐTBmhkI với ĐTBmhkII, trong đó ĐTBmhkII tính theo hệ số 2.

$$\text{ĐTBmcn} = \frac{\text{ĐTBmhkI} + 2 \times \text{ĐTBmhkII}}{3}$$

Điểm trung bình các môn học kỳ hoặc cả năm học là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi đã làm tròn số.

Kết quả học tập NPT của HS được ghi vào Sổ Gọi tên và ghi điểm và Học bạ (phần các môn học tự chọn với THCS và cột NPT với THPT). Đối với HS theo học tại các trung tâm hoặc đơn vị giảng dạy khác lập phiếu điểm cho từng HS theo Hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Văn bản số 10945/BGDĐT-GDTrH ngày 27/11/2008 về hướng dẫn thi và cấp giấy chứng nhận nghề phổ thông.

6. Xếp loại nghề phổ thông

- Loại Giỏi: Điểm tổng kết (Đtk) từ 8,0 đến 10;

- Loại Khá: Điểm tổng kết (Đtk) từ 6,5 đến dưới 8,0;

- Loại Trung bình: Điểm tổng kết (*Đtk*) từ 5,0 đến dưới 6,5;
- Loại Yếu: Điểm tổng kết (*Đtk*) dưới 5,0.

Học sinh hoàn thành chương trình học nghề phổ thông, xếp loại trung bình (*đạt điểm cuối khóa từ 5,0 trở lên*) được đăng ký dự thi để xét cấp chứng chỉ NPT theo qui định.

7. Thời gian thi nghề phổ thông đối với bậc THPT (dự kiến) thứ tư, ngày 14 tháng 8 năm 2020.

8. Tổ chức thực hiện

a) Đối với cấp THCS

Các phòng GD&ĐT, căn cứ các quy định dạy NPT ở cấp THCS để hướng dẫn các trường dạy học tự chọn là NPT hoặc phối hợp với TT KTTH-HN; Trung tâm GDNN -GDTX, trường TCCN, dạy nghề.

- Hiệu trưởng các trường THCS xây dựng kế hoạch về công tác dạy NPT và báo cáo về phòng GD&ĐT để làm căn cứ kiểm tra, thanh tra.

b) Đối với Trung tâm KTTH-HN, Trung tâm GDNN-GDTX, các đơn vị giảng dạy chương trình GDTX cấp THPT có dạy nghề phổ thông: Thủ trưởng đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác dạy NPT và các biểu mẫu (*kèm theo*): Báo cáo cần nêu rõ tình hình đội ngũ giáo viên dạy nghề; cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy nghề, số lượng học sinh theo học ở mỗi nghề.

c) Đối với các trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Hiệu trưởng các trường THPT xây dựng kế hoạch và báo cáo công tác dạy NPT và các biểu mẫu (*kèm theo*): Báo cáo cần nêu rõ tình hình đội ngũ giáo viên dạy nghề; cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy nghề, số lượng học sinh theo học ở mỗi nghề.

Kế hoạch và báo cáo bằng văn bản theo đường công văn về địa chỉ: phòng Nghiệp vụ 1, Sở GD&ĐT và tập tin đính kèm (*sử dụng phông Times New Roman, cỡ chữ 14*). Kế hoạch và báo cáo (file ảnh có chữ kí, đóng dấu của đơn vị và kèm file word, được để trong 1 folder và đặt tên folder như sau: NPT2020_TenDonVi) theo địa chỉ: quoctuan.gdtrh@dongnai.edu.vn. về Sở trước **ngày 28/9/2019**.

Đồng thời thực hiện báo cáo trực tuyến theo đường dẫn https://docs.google.com/forms/d/17jTSgltgkeVf7f_qA4LBNEy5f3x5oa3piRR4LVgS6-g/edit (*theo đường dẫn được gửi qua địa chỉ gmail của đơn vị*)

Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo công tác dạy nghề phổ thông theo hướng dẫn. Sở chỉ cho phép tổ chức thi nghề phổ thông với các đơn vị có báo cáo và thực hiện đầy đủ công tác dạy nghề theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời với Sở GD&ĐT (qua phòng Nghiệp vụ 1) để giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Văn phòng, Thanh tra, KHTC Sở GD&ĐT;
- Cổng Thông tin điện tử Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, NV1.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Võ Ngọc Thạch

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC
DẠY NGHỀ PHỔ THÔNG NĂM

Đơn vị :

- 1. Số lượng học sinh đăng kí học nghề phổ thông(*thống kê theo từng nghề*)
 - Tin học VP :
 - Điện dân dụng :
 -
- 2. Số phòng học : trang thiết bị phục vụ cho việc dạy nghề phổ thông .
(Liệt kê chủng loại, số lượng thiết bị theo môn nghề).

Nghề điện dân dụng

<i>TT</i>	<i>Tên thiết bị</i>	<i>Số lượng</i>	<i>Ghi chú</i>
<i>1</i>	<i>Đồng hồ</i>	<i>10</i>	
<i>2</i>	<i>Mô tơ</i>	<i>10</i>	
<i>3</i>	<i>Bảng điện</i>	<i>20</i>	
	<i>....</i>	<i>.....</i>	

- a. Nghề tin VP: (số phòng máy, số máy ...)
- b. Nghề Điện dân dụng: (liệt kê các trang thiết bị phục vụ dạy nghề điện hiện của đơn vị ...)
- c. Nghề Làm vườn:(diện tích vườn, liệt kê trang thiết bị phục vụ dạy nghề Làm vườn hiện có của đơn vị...)

...

- 3. Đội ngũ giáo viên: (trình độ chuyên môn, giáo viên cơ hữu hay hợp đồng...)
-
- 4. Khung thời gian dạy và học: (thời gian bắt đầu; thời gian kết thúc; số tiết/tuần)
-
- 5. Kế hoạch giảng dạy Nghề phổ thông (*gửi bằng văn bản về Sở kèm theo báo cáo này*)
-

Ngày tháng năm.....
Hiệu trưởng

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO SỐ LIỆU DẠY NGHỀ PT NĂM HỌC

Trường:.....
(do trường hoặc trung tâm GDTX tự tổ chức dạy)

TT	Môn (nghề) thi	Số học sinh học nghề	Giáo viên giảng dạy					Ghi chú
			Họ và tên	Nơi công tác	Trình độ chuyên môn đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điện thoại	
1	Điện DD							GV cơ hữu hay hợp đồng
2	Tin học VP							GV cơ hữu hay hợp đồng

Ngày.... tháng ... năm
Hiệu trưởng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BÁO CÁO SỐ LIỆU DẠY NGHỀ PT NĂM HỌC

Trường :.....

(do Trung tâm KTTH HN; TT GDTX dạy)

TT	Môn (nghề) thi	Số học sinh học nghề	Giáo viên giảng dạy					Ghi chú
			Họ và tên	Nơi công tác	Trình độ chuyên môn đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Điện thoại	
1	Điện DD							GV cơ hữu hay hợp đồng
2	Tin học VP							GV cơ hữu hay hợp đồng
3							

Ngày.... tháng ... năm

Hiệu trưởng